TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 4 – 2022
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 95 ấp Ng, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 113 ấp Ng, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2021 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 07/02/2022, nguyên đơn Trần Thị Nh trình bày:

Vào năm 2012, chị Trần Thị Nh kết hôn với anh Trần Văn C, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2018. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống với cha mẹ chồng tại số nhà 113 ấp Ng, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 hai vợ chồng đi thành phố Hồ Chí Minh làm công. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung là cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, tính tình không hợp nên thường tranh chấp cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4/2021 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị Trần Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn C.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của con, muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu con muốn sống với mẹ thì chị Nh xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Nếu con muốn sống với cha thì chị Nh đồng ý và cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị Nh giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Trần Hạo N.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin vắng mặt đề ngày 18/02/2022, bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Vào năm 2012, anh Trần Văn C và chị Trần Thị Nh kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2018. Sau khi kết hôn,

hai vợ chồng sống với cha mẹ anh C tại số nhà 113 ấp Ng, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 hai vợ chồng đi thành phố Hồ Chí Minh làm công. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hòa hợp, hạnh phúc, anh C và chị Nh có 01 (một) con chung là cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012, hiện nay cháu N đang sống cùng với ngoại để đi học.

Vào khoảng đầu năm 2021, chị Nh ghen tuông vô cớ rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã V, thị xã Vĩnh Châu sống cho đến nay, trốn tránh không chịu gặp anh C, anh C đã nhiều lần liên lạc nhưng chị Nh không đồng ý gặp mặt mà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Nay, anh C có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn C đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Nh.

- Về con chung: Anh Trần Văn C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012 đến đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn C đồng ý nhận tiền cấp dưỡng do chị Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn C thống nhất ý kiến của chị Trần Thị Nh là tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị **Nh** được ly hôn với anh C, giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ghi nhận sự tự nguyện của chị **Nh** cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N thành niên; không xem xét,

giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị **Nh** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị **Nh** khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn C, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của chị Ý được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Trần Thị Nh và bị đơn Trần Văn C đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại đơn xin vắng mặt, các đương sự có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Trần Hạo N cũng như lời thừa nhận của hai bên đương sự; đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị **Nh** và anh C về việc kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2018 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị **Nh** và anh C đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị **Nh** và anh C không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị **Nh** và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị **Nh** được ly hôn với anh C.

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Nam đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng muốn sống với cha. Về phía chị **Nh**, trong đơn khởi kiện cũng như đơn xin giải quyết vắng mặt, chị **Nh** cũng đồng ý theo nguyện vọng của cháu N, nếu con muốn sống với ai thì chị **Nh** cũng đồng ý. Đồng thời, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012 đến khi cháu N thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng là để đảm bảo cho điều kiện tốt nhất về phát triển về mặt thể chất và tinh thần của cháu N. Chị **Nh** tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, và anh C cũng thống nhất việc chị **Nh** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của chị **Nh** cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị **Nh** phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Án phí cấp dưỡng: Chị **Nh** phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Nh được ly hôn với anh Trần Văn C.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho anh Trần Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012 đến khi cháu Nam thành niên, lao động được.

Trong thời gian anh Trần Văn C nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Nh là chị **Nh** cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012 mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Cấp dưỡng cho đến khi cháu Trần Hạo N (nam) sinh ngày 04/8/2012 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng của chị **Nh** được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu N, anh C có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị **Nh** có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002214 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị **Nh** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng: Chị Trần Thị Nh phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Chị Trần Thị Nh và anh Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã V,
thị xã Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU